TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-ST
Ngày 27 tháng 12 năm 2019

V/v: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm Giang.
2. Ông Đào Xuân Hải.

**** Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Văn Nam – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.

**** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2019/TLST-DS, ngày 16/9/2019 về tranh chấp : "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2019/QĐXXST-DS ngày 27/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2019/QĐST-DS ngày 12/12/2019 (Ấn định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1972 (Có mặt)

Cư trú: Thôn V, xã L, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ghi ngày 13/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên anh Nguyễn Duy T có đặt vấn đề vay tiền của chị, cụ thể:

Ngày 29/8/2018 dương lịch anh Nguyễn Duy T có vay của chị số tiền gốc 50.000.000đồng, hẹn đến ngày 24/10/2018 dương lịch thì trả. Đến ngày 24/10/2018 dương lịch anh T không trả và viết giấy biên nhận tiền hẹn đến ngày 30/10/2018 dương lịch thì trả hết gốc, anh T là người viết và ký vào giấy biên nhận vay tiền này.

Cả hai lần viết giấy biên nhận vay tiền trên do quan hệ tình cảm nên chị không tính lãi.

Đến ngày 30/10/2018 chị đến đòi nợ anh T thì anh T không trả nợ cho chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Duy T trả nợ chị số tiền là 50.000.000đồng. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Duy T phải trả lãi.

Chồng chị là Nguyễn Văn N không liên quan đến việc vay nợ trên và cũng không phải tài sản chung của vợ chồng chị nên đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng.

Giữa chị và anh T không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án.

* Bị đơn là anh Nguyễn Duy T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 104/TB-TLVA, ngày 16/9/2019; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 59/QĐ-CCTLCC, ngày 11/10/2019; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 104/TB-TA ngày 06/11/2019 (lần 01); Thông báo về phiên họp hòa giải số: 104/TB-TA ngày 12/11/2019 (lần 02); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/QĐXXST-DS, ngày 27/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2019/QĐST-DS ngày 12/12/2019 đối với bị đơn là anh Nguyễn Duy T nhưng anh Nguyễn Duy T không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Nguyễn Duy T là bị đơn.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Nguyễn Duy T là bị đơn không có mặt để tham gia. Các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, anh Nguyễn Duy T không chấp hành đúng những quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 144 của BLTTDS; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 463; Điều 466 của BLDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Buộc anh Nguyễn Duy T có nghĩa vụ trả chị Dương Thị H tổng số tiền gốc là: 50.000.000đồng.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Duy T phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Nguyễn Duy T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 BLTTDS.

[2] Quá trình giải quyết vụ án này thì đương sự đã được tống đạt và niêm yết hợp lệ các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu cung cấp toàn bộ các giấy tờ liên quan việc thanh toán nợ, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị Dương Thị H với anh Nguyễn Duy T và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án nhưng anh Nguyễn Duy T không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên anh T phải chịu hậu quả pháp lý.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nay chị Dương Thị H kiện đòi anh Nguyễn Duy T có trách nhiệm trả tổng khoản tiền vay gốc 50.000.000 đồng tại giấy vay tiền ghi ngày 29/8/2018 dương lịch cho chị Dương Thị H là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn và không có lãi suất ".

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Anh Nguyễn Duy T ký nhận giấy vay nợ tiền của chị Dương Thị H tại giấy vay tiền ghi ngày 29/8/2018 dương lịch. Anh T hẹn đến ngày 24/10/2018 dương lịch trả nợ. Đến ngày 24/10/2018 dương lịch anh T viết giấy nhận nợ hẹn đến ngày 30/10/2018 dương lịch thì trả cả tiền gốc. Sau ngày 30/10/2018 dương lịch anh T không nợ gốc. Như vậy việc khởi kiện của chị Dương Thị H đối với giấy vay tiền ghi ngày 29/8/2018 dương lịch và giấy xác nhận nợ ghi ngày 24/10/2018 dương lịch là nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[5] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy vay tiền ghi ngày 29/8/2018 dương lịch và giấy xác nhận nợ ghi ngày 24/10/2018 dương lịch có chữ viết, chữ ký của người vay là anh Nguyễn Duy T ký nhận vay tiền của chị Dương Thị H.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Nguyễn Duy T viết và ký nhận nợ từ ngày 29/8/2018 dương lịch đối với số tiền 50.000.000đồng. Lần 01 hẹn đến ngày 24/10/2018 dương lịch, sau đó lại hẹn đến ngày 30/10/2018 dương lịch thì trả cả tổng số tiền gốc 50.000.000đồng. Chị H cho vay không tính lãi suất.

Căn cứ vào chứng cứ là giấy vay nợ tiền có khoản nợ trên phù hợp lời khai của chị H là người cho vay. Anh T đã được Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh liên quan đến việc thanh toán nợ này nên có cơ sở xác định anh T là người giao dịch vay tiền. Số tiền gốc đến nay anh T còn nợ chị H là 50.000.000đồng chưa trả. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và buộc anh T trả nợ chị H tổng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng là có cơ sở.

[7] Về lãi suất của số tiền vay gốc: Do chị Dương Thị H không yêu cầu anh T trả lãi nên không đặt ra xem xét.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có liệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Điều 194; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 470; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Duy T có nghĩa vụ trả chị Dương Thị H tổng số tiền gốc là: 50.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Duy T phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Dương Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Dương Thị H 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0005966 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
-Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ánh Dương